

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2020/HNGĐ-PT**

Ngày: 14-05-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nuôi con chung và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ”

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiền

Các thẩm phán: 1. Bà Đặng Thị Bích Vân

2. Ông Võ Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần N Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nuôi con chung và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2020/HNGĐ-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P (nay là thành phố P) bị chị Huỳnh Thị Kim Đ kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang kháng nghị phúc thẩm theo quyết định số: 02/QĐKNPT-VKS-HN ngày 09/12/2020 .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2021/QĐXX-HNGĐPT ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố P, Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim Đ, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 5, phường A, thành phố P, Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Nguyễn Chí N, sinh năm:1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Phòng Công chứng X tỉnh Kiên Giang (nay Văn phòng công chứng N).

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thanh D (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chức vụ: Trưởng phòng.

Địa chỉ: Số 254, đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2/ Ông Lê Văn C1, sinh năm 1949 và bà Lê Thị N1, sinh năm 1954 (ông C1, bà N1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 14, đường N1, khu phố 5, phường A, thành phố P, Kiên Giang

- *Người kháng cáo*: Chị Huỳnh Thị Kim Đ;

- *Kháng nghị*: của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Nguyên trước đây, anh H và chị Huỳnh Thị Kim Đ sau khi tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2008. Trong quá trình chung sống, anh chị có với nhau hai người con chung là Lê Huỳnh Như N, sinh ngày 06/12/2009 và Lê Huỳnh Quốc K, sinh ngày 11/3/2014. Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không có nợ chung và tạo dựng một khối tài sản gồm: là 01 nền tái định cư được nhà nước cấp xét duyệt, anh H lấy bán cho người khác trị giá: 200.000.000 đồng và anh H được cha mẹ tặng cho riêng phần đất diện tích 122,6m², thửa đất số 115, tờ bản đồ 51, tại khu phố 2, phường A, huyện P, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: BL 232735 cấp ngày 15/4/2013 do anh H đứng tên. Thời gian đầu, anh chị chung sống rất hạnh phúc, cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mặc dù, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không mang lại hạnh phúc. Từ đó anh H và chị Đ đã ly thân. Nay, xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H có đơn xin ly hôn và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh H yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ;

- Về con chung: Đối với cháu N hiện nay đã lớn nguyện vọng muốn ở với cha hoặc mẹ tùy theo ý cháu, nếu ở với anh H thì anh H không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H đồng ý giao cháu K cho chị Đ nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Đối diện tích 122,6m² tọa lạc khu phố 2, phường A, huyện P thuộc thửa 115, tờ bản đồ 51 trong Giấy CNQSDĐ số BL 232735 cấp ngày 15/4/2013 là của cha mẹ anh H cho trước thời kỳ hôn nhân nên anh H không đồng ý nhập chung vào khối tài sản chung của vợ chồng. Đối với 01 nền tái định cư được nhà nước xét duyệt, năm 2005 anh H công tác tại Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã H, huyện P, năm 2014 anh H mua một căn nhà tại xã H cho đến

năm 2015 nhà nước quy hoạch dự án C và Q vui chơi giải trí tại biển H, P và phường A và xã H, P sau khi đo đạc bồi thường đã xét duyệt cho anh H một nền tái định cư vào năm 2016. Năm 2017, anh H bán lại anh Trần Thanh Sơn 160.000.000 đồng, trả cho bà Ba Chuồng ở H 40.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng lo cho các con ăn học. Ngày 13/9/2018 anh H và chị Đ làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Kiên Giang là tặng cho có điều kiện đến khi anh H phát hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho riêng chị Đ nên H không đồng ý, yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2018.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim Đ cho rằng: về hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân, về con chung, nợ chung như anh H trình bày là đúng. Tuy nhiên, về tài sản chung trước đây phần đất diện tích 122,6m², tại khu phố 2, phường A, huyện P thuộc thửa 115, tờ bản đồ 51 trong Giấy CNQSDĐ số: BL 232735 cấp ngày 15/4/2013 do anh H đứng tên. Trên diện tích đất xây dựng căn nhà cấp 4 (chiều rộng 5m x chiều dài 20m) diện tích 100m², diện tích đất này cha mẹ cho vợ chồng chị Đ để ở cùng các con và 01 nền tái định cư cho vợ chồng chị Đ theo biên bản xét tái định cư cho các hộ dân trong dự án C và Q vui chơi giải trí biển xã H và phường A, P. vào ngày 18/10/2016 anh H đã bán nền tái định cư cho người khác với giá 200.000.000 đồng. Ngoài ra, anh chị không có tài sản chung nào khác. Nay, nếu anh H có đơn xin ly hôn chị Đ có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đ đồng ý ly hôn với anh H;
- Về con chung: Chị Đ và anh H sinh được hai người con chung tên là Lê Huỳnh Như N, sinh ngày 06/12/2009 và Lê Huỳnh Quốc K, sinh ngày 11/3/2014. Nguyên vọng của chị Đ yêu cầu nuôi dưỡng hai con N, K đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Chị Đ yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là căn nhà cấp 4 (chiều rộng 5m x chiều dài 20m) diện tích 100m² và diện tích đất 122,6m², tại khu phố 2, phường A, huyện P thuộc thửa 115, tờ bản đồ 51 trong Giấy CNQSDĐ số BL 232735 cấp ngày 15/4/2013 do anh H đứng tên. Vì Nhà, đất này cha mẹ cho vợ chồng chị Đ để ở cùng các con. Chị Đ yêu cầu anh H chia 100.000.000 đồng cho chị Đ trên giá trị nền tái định cư anh H bán cho người khác bằng 200.000.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 48/2020/HNGĐ-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lê Văn H đối với chị Huỳnh Thị Kim Đ.

- Cho anh Lê Văn H được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim Đ.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị Đ thỏa thuận là anh H đồng ý giao các con chung tên là Lê Huỳnh Như N, sinh ngày 06/12/2009 và Lê Huỳnh Quốc K, sinh ngày 11/3/2014 cho chị Đ được nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Phù hợp với nguyện vọng của cháu N yêu cầu được ở với chị Đ. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.500.000 đồng/tháng/người con, tổng cộng hai con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Đ hoàn toàn đồng ý, Tòa ghi nhận.

Anh H được quyền lui tới thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích chung về mọi mặt của các con nên anh H và chị Đ khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Không có, không xem xét.

3/ Về tài sản chung:

- Không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Kim Đ đối với anh Lê Văn H.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2018 giữa chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Lê Văn H tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang;

- Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 27/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2018.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh H thanh toán cho chị Đ toàn bộ giá trị căn nhà là 87.841.000 đồng và số tiền chuyển nhượng nền tái định cư 100.000.000 đồng, tổng cộng 187.841.000 đồng. Anh H là người trực tiếp quản lý sử dụng đối với diện tích đất và nhà. Tòa ghi nhận.

- Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng anh H nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí được khấu trừ Biên lai thu tạm ứng án phí số CU/2014 0003217 ngày 21/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P (anh H đã nộp xong).

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải chịu 300.000 đồng.

+ Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất Tòa án chấp nhận nên anh H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số CU/2014 0003217 ngày 21/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

+ Án phí chia tài sản: Yêu cầu phản tố chia tài sản của chị Đ không chấp nhận nên chị Đ phải chịu 300.000 đồng + $(187.841.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.392.050 \text{ đồng}) = 9.692.050 \text{ đồng}$ nhưng chị Đ nộp số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003297 CU/2014 ngày 25/7/2018 tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện P. Nên chị Đ được nhận lại 307.000 đồng.

- Ngày 04 tháng 12 năm 2020, chị Đ có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm. Đến ngày 04 tháng 05 năm 2021, chị Đ có đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho chị Đ được chia 50% giá trị quyền sử dụng đất diện tích 122,6m² theo giá trị đã định giá ở cấp sơ thẩm;

- Ngày 09 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã kháng nghị phúc thẩm theo quyết định số: 02/QĐKNPT-VKS-HN với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 48/2020/DS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kim Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Kim Đ thay đổi nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm giải quyết cho chị Đ được chia 50% giá trị quyền sử dụng đất diện tích 122,6m² theo giá trị đã định giá ở cấp sơ thẩm;

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị Kim Đ – Anh Nguyễn Chí N trình bày: Năm 2008 anh H, chị Đ được cha mẹ cho mảnh đất, đến năm 2011 anh chị cất nhà trên thửa đất này, từ khi cất nhà đến nay không có ai tranh chấp, cha mẹ anh H cho rằng tặng cho trước khi cưới chị Đ năm 2004 là không có căn C1, anh H, chị Đ cũng không thỏa thuận đây là tài sản riêng của vợ chồng nên đây là tài sản chung, đề nghị HĐXX chấp nhận y/c kháng cáo của chị Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm là đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Kháng nghị phúc thẩm số: 02/ QĐKNPT-VKS-HN ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang do cấp sơ thẩm tiến hành giải quyết vụ án có nhiều sai sót: Anh H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa anh H với chị Đ lập ngày 13/9/2018. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử hủy hợp đồng tặng cho nhưng bản án sơ thẩm không ghi đầy đủ quan hệ tranh chấp; Cấp sơ thẩm không tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí định giá, đo vẽ, nghĩa vụ chịu lãi suất; Không tuyên thời điểm cấp dưỡng; Giao anh H trực tiếp quản lý nhà đất nhưng không tuyên địa chỉ, vị trí nhà đất và quyền lưu cư của chị Đ và hai con là không phù hợp pháp luật nên cấp phúc thẩm cần sửa chữa cho phù hợp.

Để đảm bảo quyền lợi của chị Đ cần phải xem xét chia cho chị Đ 20% giá trị nhà đất theo giá thẩm định giá nhằm tạo điều kiện cho chị Đ có chỗ ở để chăm sóc các con sau này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo chị Đ và chấp nhận Kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-HN ngày 09 tháng 12

năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số: 48/2020/HNGĐ-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên C1u các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn C1 vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phòng Công chứng số 2 Kiên Giang (nay Văn phòng công chứng Nguyễn Khánh), ông Lê Văn C1 và bà Lê Thị N1 có đơn xin vắng mặt nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng C1 và hòa giải Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành các thủ tục tố tụng để các đương sự thực hiện đầy đủ quyền của mình theo đúng theo quy định pháp luật và không ai đề nghị cung cấp thêm tài liệu chứng C1. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn C1 vào các tài liệu, chứng C1 có trong hồ sơ để giải quyết là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Lê Văn H về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh H và chị Đ lập ngày 13/9/2018 và tuyên hủy hợp đồng tặng cho nhưng không ghi quan hệ tranh chấp này vào bản án là thiếu sót, do đó cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nuôi con chung và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

[2] Về quan hệ hôn nhân và nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-HN ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang thấy rằng: Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cấp sơ thẩm đã ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nhưng lại không ấn định thời gian cấp dưỡng từ khi nào là có thiếu sót. Bản án không nhận định và quyết định ai phải chịu về chi phí tố tụng; Nội dung quyết định không tuyên buộc về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án và không xác định vị trí diện tích đất 122,6m², thửa 115, tờ bản đồ 51, tại khu phố 2, phường A, huyện P, tỉnh Kiên Giang và Nhà trên đất cho người được quyền sử dụng và sở hữu là chưa đúng quy định pháp luật gây khó khăn cho việc thi hành án. Vấn đề này Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang kháng nghị là có căn C1 nên Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm chung;

[4] Về nội dung: Qua xem xét kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kim Đ cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sau khi thẩm vấn tại phiên tòa và đối chiếu với tài liệu chứng C1 có trong hồ sơ cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành giải quyết cho chị Đ ½ giá trị nên tái định cư bằng: 100.000.000 đồng và giao cho chị Đ giá trị căn nhà trên đất bằng: 87.841.000 là chưa phù hợp.

Bởi lẽ; Phần đất diện tích 122,6m², thửa 115, tờ bản đồ 51, tại khu phố 2, phường A, huyện P trong Giấy CNQSDĐ số BL 232735 cấp ngày 15/4/2013 là tài sản được cha mẹ anh H tặng cho sau khi anh H, chị Đ kết hôn vào năm 2008 theo quy định tại Điều 27 Luật HN&GD 2000. Mặc dù, phần đất này là của cha mẹ anh H cho nhưng giữa anh chị cũng chưa từng có văn bản thỏa thuận quyền sử dụng đất này đây là tài sản chung hoặc tài sản riêng theo quy định pháp luật tại Điều 27, 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Thậm chí, sau khi được cho đất chị Đ và anh H tiến hành xây nhà vào năm 2011 cha, mẹ và anh chị em anh H đều biết nhưng không ai phản đối, tranh chấp. Qua một thời gian dài chung sống, quyền sử dụng đất này là tài sản phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chị Đ đã có công gìn giữ, tôn tạo nhà và đất từ khi đất chưa có giá trị cho đến khi đất có giá trị tăng cao như hiện nay. Mặc khác, ngày 13/9/2018 anh H cũng tự nguyện lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giao chị Đ đứng tên quản lý dùm hai con chưa thành niên cho thấy anh H phần nào đã mặc nhiên công nhận một phần công sức đóng góp, tôn tạo, gìn giữ phần đất này của chị Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, chính anh H cũng thừa nhận rằng chị Đ không có lỗi trong cuộc hôn nhân này. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi cho chị Đ sau khi ly hôn cũng như tạo điều kiện để chị Đ tìm nơi ở khác, bảo đảm cuộc sống bình thường cho các con chưa thành niên, qua lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xem xét cho chị Đ được hưởng một phần giá trị tài sản bằng 30% giá trị diện tích đất 122,6m² theo giá thẩm định mới bảo đảm nhu cầu thiết yếu của chị Đ và các con trong cuộc sống hiện nay.

[5] Từ các nội dung đã viện dẫn ở trên, qua thẩm tra, đánh giá lại toàn bộ chứng C1, sau khi xem xét, đối chiếu quy định tại Điều 170, 234, 465, 467, 470 Bộ luật dân sự 2005; Điều 423, 457, 459, 462, 688 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử xét thấy để giải quyết lại phần tài sản này cần thiết phải hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2018 giữa chị Đ và anh H tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang và căn C1 vào kết quả của chứng thư định giá số 24/CT-KGGL ngày 05/9/2019 của Công ty TNHH MTV bất động sản Đất Vàng Kiên Giang với tổng trị giá thửa đất và công trình xây dựng (nhà) bằng: 14.662.161.000 đồng (mười bốn tỷ sáu trăm sáu mươi hai nghìn một trăm sáu mươi một đồng). Trong đó: quyền sử dụng đất 14.574.320.000 đồng, công trình xây dựng (nhà) 87.841.000 đồng để tiến hành phân chia tài sản theo công sức đóng góp của chị Đ theo quy định tại Điều 95, 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Từ việc định giá này cho thấy giá trị tài sản 30% diện tích 122,6m², thửa 115, tờ bản đồ 51, tại khu phố 2, phường A, huyện P chị Đ được hưởng bằng: (14.574.320.000 đồng x 30%) = 4.372.296.000đ.

[6] Từ các tình tiết trên, sau khi nghe ý kiến tranh luận giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-HN ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và một phần kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kim Đ, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm

số: 48/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 27/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2018 của Tòa án huyện P, tỉnh Kiên Giang để bảo đảm cho việc thi hành án. Mặt khác, để bảo đảm cuộc sống bình thường cho chị Đ và hai con chưa thành niên Hội đồng xét xử xét thấy việc chấp thuận cho chị Đ và hai con tiếp tục lưu cư trên Nhà và đất này trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày án có hiệu lực là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Kim Đ đã nộp bằng: 22.059.000đ. Trong đó: Tiền đo đạc đất đai tranh chấp bằng: 559.000đ và tiền thẩm định giá tài sản tranh chấp bằng 21.500.000đ. Sau khi xem xét cho thấy anh H và chị Đ mỗi người phải chịu một nửa nên anh H phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Đ số tiền bằng: 11.029.500đ.

[8] Về án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Anh H phải chịu án phí ly hôn bằng: 300.000 đồng; Phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con bằng: 300.000 đồng;

- Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng để tính án phí là: 14.662.161.000đ - 4.372.296.000đ + 100.000.000đ = 10.389.865.000 đồng. Anh H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch bằng: $(112.000.000đ + [0,1\% \times 6.389.865.000đ]) = 118.389.865$ đồng

- Tổng cộng án phí anh H phải nộp bằng: $(300.000đ + 300.000đ + 118.389.865) = 118.989.865$ đồng, được khấu trừ vào số tiền: 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003217 ngày 21/6/2018 và số tiền: 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0007967 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Số còn lại anh H phải nộp tiếp bằng: 118.389.865 đồng.

- Chị Đ phải chịu án phí về việc yêu cầu chia tài sản chung có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia: $4.372.296.000đ + 187.841.000đ = 4.560.137.000$ đồng. Cụ thể bằng: $(112.000.000đ + [0,1\% \times 560.137.000đ]) = 112.560.137đ$ được khấu trừ vào số tiền: 10.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0003297 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Số còn lại chị Đ phải nộp tiếp bằng: 102.560.137 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đ không phải nộp nên trả lại chị Đ số tiền: 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0007779 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn C1 khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 28, 35, 147, 148, 271, 273, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 170, 234, 465, 467, 470 Bộ luật dân sự 2005; Điều 423, 457, 459, 462, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 11, 27, 28, 32, 91, 92, 93, 94, 95, 97 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 33, 43, 56, 59, 62, 81, 116, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận Kháng nghị phúc thẩm số: 02/ QĐKNPT-VKS-HN ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kim Đ ;

- Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 48/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Văn H và chị Huỳnh Thị Kim Đ

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh H và chị Đ về việc giao hai cháu Lê Huỳnh Như N, sinh ngày 06/12/2009 và Lê Huỳnh Quốc K, sinh ngày 11/3/2014 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu bằng: 1.500.000 đồng/tháng. Tổng cộng anh H cấp dưỡng cho hai cháu mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/11/2020) cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi;

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Vì lợi ích chung về mọi mặt của các con nên anh H và chị Đ khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét;

5. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Kim Đ đối với anh Lê Văn H.

5.1. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2018 giữa chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Lê Văn H tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 27/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2018 để bảo đảm cho việc thi hành án;

5.2. Giao cho anh Lê Văn H toàn quyền sử dụng diện tích 122,6m², thửa 115, tờ bản đồ 51, tại khu phố 2, phường A, huyện P và Giấy CNQSDĐ số BL 232735 cấp ngày 15/4/2013 do anh Lê Văn H đứng tên cùng việc sở hữu căn nhà cấp 4 trên phần đất này với chiều ngang 5m; chiều dài 20m, diện tích 100m² theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/05/2019 của Tòa án nhân dân huyện P và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 248-2019 ngày 30/07/2019 của Chi nhánh Văn

phòng đăng ký đất đai huyện P tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất được xác định tại các điểm: 01-02-03-04-05-06-07-08-09-10-01. Diện tích bằng 122,6m². Cụ thể:

- Cạnh 01-02 bằng 05m giáp đường Nguyễn Trường Tộ;
- Cạnh 06-07 bằng 5m giáp Phạm Hồng Soi;
- Cạnh 02-03 bằng 5,30m; Cạnh 03-04 bằng 8,78m; Cạnh 04-05 bằng 09m; Cạnh 05-06 bằng 01,51m giáp Lê Thị Anh Kiều;
- Cạnh 07-08 bằng 02,10m; Cạnh 08-09 bằng 09m; Cạnh 09-10 bằng 08,25m; Cạnh 10-01 bằng 05,30m giáp Lê Văn Công.

Chị Huỳnh Thị Kim Đ và hai con chưa thành niên là cháu Lê Huỳnh Như N, sinh ngày 06/12/2009 và Lê Huỳnh Quốc K, sinh ngày 11/3/2014 được phép tiếp tục lưu cư trong căn nhà trên diện tích đất 122.6m² đã giao cho anh H trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật;

5.3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H thanh toán cho chị Đ toàn bộ giá trị căn nhà là 87.841.000 đồng và số tiền chuyển nhượng nền tái định cư 100.000.000 đồng, tổng cộng 187.841.000 đồng

Xử buộc anh Lê Văn H phải giao cho chị Huỳnh Thị Kim Đ 30% giá trị tài sản là diện tích 122,6m², thửa 115, tờ bản đồ 51, tại khu phố 2, phường A, huyện P bằng: $(14.574.320.000 \text{ đồng} \times 30\%) = 4.372.296.000\text{đ}$ (Bốn tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng)

Tổng giá trị tài sản chung anh Lê Văn H phải giao cho chị Đ là 4.560.137.000đ (Bốn tỷ năm trăm sáu mươi triệu một trăm ba mươi bảy ngàn đồng);

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị Kim Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Văn H không giao số tiền trên thì hàng tháng anh H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

6. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Kim Đ đã nộp bằng: 22.059.000đ. Trong đó: Tiền đo đạc đất đai tranh chấp bằng: 559.000đ và tiền thẩm định giá tài sản tranh chấp bằng 21.500.000đ. Sau khi xem xét cho thấy anh H và chị Đ mỗi người phải chịu một nửa nên anh H phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Đ số tiền bằng: 11.029.500đ (Mười một triệu không trăm hai mươi chín ngàn năm trăm đồng).

7. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn bằng: 300.000 đồng; Phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con bằng: 300.000 đồng
- Anh H phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung bằng: 118.389.865 đồng.

Tổng cộng án phí anh H phải nộp bằng: $(300.000\text{đ} + 300.000\text{đ} + 118.389.865) = 118.989.865 \text{ đồng}$.

Được khấu trừ vào số tiền: 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003217 ngày 21/6/2018 và số tiền: 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0007967 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang. Số còn lại anh H phải nộp tiếp bằng: 118.389.865 đồng (Làm tròn một trăm mười tám triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng)

- Chị Đ phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung 112.560.137đ được khấu trừ vào số tiền: 10.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0003297 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị Đ phải tiếp tục số tiền án phí là 102.560.137 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đ không phải nộp nên trả lại chị Đ số tiền: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0007779 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố P;
- THA dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Sanh Hiền